

Số: 42/2012/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 7 năm 2012

**NGHỊ QUYẾT**

**Về mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa  
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của liên tịch Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí nhằm bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4265/TTr-UBND ngày 14/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình thông qua mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại tổ và kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí với nội dung về mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Ban Pháp chế HĐND, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; cộng tác viên làm công tác kiểm tra, rà soát văn bản; người làm công tác pháp chế thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh trong hoạt động kiểm tra,

phối hợp kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL theo yêu cầu, kế hoạch.

## 2. Nội dung chi và mức chi

a) Chi họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa tại cơ quan kiểm tra:

- Chủ trì cuộc họp: 150.000đ/buổi.

- Các thành viên tham dự: 100.000đ/buổi.

b) Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp: 600.000 đ/báo cáo/văn bản.

c) Chi soạn thảo, viết báo cáo:

- Báo cáo kết quả tình hình kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực: 1.000.000đ/báo cáo.

- Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật: 200.000 đ/báo cáo.

Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan: 1.500.000đ/ báo cáo.

d) Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ kiểm tra văn bản khi phát hiện văn bản trái pháp luật (trừ trường hợp chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thì không thực hiện chế độ chi hỗ trợ theo quy định này): 100.000đ/văn bản.

đ) Chi tổ chức đội ngũ cộng tác viên kiểm tra văn bản:

- Mức chi chung: 140.000đ/văn bản.

- Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp: 300.000đ/văn bản.

e) Chi xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:

- Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ thống cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ cho công tác kiểm tra; chi rà soát, hệ thống hóa văn bản: 100.000 đ/văn bản.

- Chi phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn: 70.000 đồng/văn bản (khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các VBQPPL đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo).

f) Riêng đối với các nội dung chi phải thực hiện chế độ thanh toán, quyết toán theo chứng từ hợp pháp và các nội dung chi khác liên quan đến công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Liên tịch Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp và các nội dung chi cụ thể liên quan đến công tác kiểm tra, rà soát tại các Nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

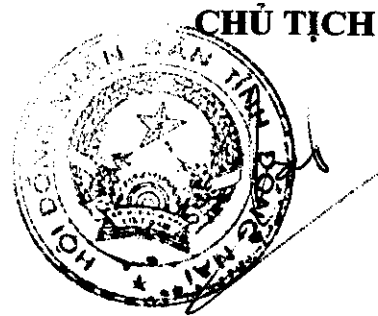
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa VIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2012. *Nguyễn Văn Tư*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Bộ nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Văn phòng tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh (để đăng công báo);
- Báo Đồng Nai, Báo LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu VT.



**CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Tư**